

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai được thành lập từ việc chuyển đổi nhà máy Sơn Đồng Nai (Doanh nghiệp nhà nước thuộc Sở Công Nghiệp Đồng Nai) theo Quyết định số 4636/QĐ-TTG ngày 13/12/1999 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai.

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4703000004 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 09 năm 2010.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại đường số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.182.180.000đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/6/2011 gồm:

- Chi Nhánh đặt tại Khu Công Nghiệp Yên Phong, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, keo Xuất nhập khẩu, nguyên liệu và sản phẩm liên quan đến sơn và keo. Dịch vụ thi công về sơn.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Vũ Đức Đan	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phi Hùng	Phó Chủ tịch
Ông Đào Đình Đề	Thành viên
Liu Chien Hung	Thành viên
Vương Thị Bích Quyên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Vũ Đức Đan	Giám đốc
Ông Nguyễn Phi Hùng	Phó Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 25 tháng 07 năm 2011

GIÁM ĐỐC

VŨ ĐỨC ĐAN

Số: 12.102/BCSX-DTL

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi:
Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 22 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2011

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

TẶNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG
Chứng chỉ KTV số 1191/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32,125,501,939	29,254,025,338
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,000,146,242	3,621,178,798
1. Tiền	111	5.1	2,000,146,242	3,621,178,798
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.2	17,094,569,103	14,198,472,047
1. Phải thu khách hàng	131		14,011,343,015	13,116,968,856
2. Trả trước cho người bán	132		533,221,433	15,480,000
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		6,805,199,922	5,173,196,583
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(4,255,195,267)	(4,107,173,392)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	12,546,879,962	11,280,881,469
1. Hàng tồn kho	141		12,546,879,962	11,280,881,469
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		483,906,632	153,493,024
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	299,555,700	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14,311,548	74,672,186
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	170,039,384	78,820,838

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10,452,957,105	10,922,528,601
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		5,098,640,955	5,568,212,451
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	4,642,756,941	5,155,684,397
+ Nguyên giá	222		15,232,737,268	15,191,106,176
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10,589,980,327)	(10,035,421,779)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
+ Nguyên giá	228		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	455,884,014	412,528,054
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	5,019,000,000	5,019,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		5,019,000,000	5,019,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		335,316,150	335,316,150
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.9	335,316,150	335,316,150
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		42,578,459,044	40,176,553,939

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		19,658,268,481	18,473,900,702
I. Nợ ngắn hạn	310		19,311,392,721	18,111,775,134
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	8,344,861,031	6,646,296,217
2. Phải trả người bán	312	5.11	5,513,256,912	6,299,220,008
3. Người mua trả tiền trước	313	5.11	2,279,550	4,120,745
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	1,374,216,067	780,968,776
5. Phải trả người lao động	315		2,967,754,744	2,144,902,517
6. Chi phí phải trả	316	5.13	250,000,000	966,726,300
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	592,148,980	452,291,672
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		266,875,437	817,248,899
II. Nợ dài hạn	330		346,875,760	362,125,568
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.15	346,875,760	346,875,760
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	15,249,808
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22,920,190,563	21,702,653,237
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	22,920,190,563	21,702,653,237
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15,182,180,000	15,182,180,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(97,591,060)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2,014,946,231	1,966,040,794
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,422,784,973	1,422,784,973
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		481,073,541	481,073,541
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3,819,205,818	2,748,164,989
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		42,578,459,044	40,176,553,939

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		736.96	803.07
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đồng Nai, ngày 21 tháng 07 năm 2011

GIÁM ĐỐC

ĐỖ THỊ THU HÀ

VŨ ĐỨC ĐAN

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	41,849,480,981	33,921,430,894
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		787,148,884	934,476,510
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		41,062,332,097	32,986,954,384
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	31,132,035,229	25,408,465,902
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9,930,296,868	7,578,488,482
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	281,348,297	344,997,369
7. Chi phí tài chính	22	6.4	930,963,736	627,138,700
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		601,000,813	483,562,744
8. Chi phí bán hàng	24		1,771,805,750	1,751,774,585
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	3,813,012,550	3,220,670,657
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,695,863,129	2,323,901,909
11. Thu nhập khác	31		199,811,025	150,990,572
12. Chi phí khác	32		184,636,954	42,332,055
13. Lợi nhuận khác	40		15,174,071	108,658,517
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3,711,037,200	2,432,560,426
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	519,682,661	178,469,215
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3,191,354,539	2,254,091,211
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70		2,102	1,670

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đồng Nai, ngày 21 tháng 07 năm 2011

GIÁM ĐỐC

ĐỖ THỊ THU HÀ

VŨ ĐỨC ĐAN

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3,711,037,200	2,432,560,426
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		586,558,548	501,111,854
Các khoản dự phòng	03		148,021,875	254,033,436
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(178,934,568)	(285,189,795)
Chi phí lãi vay	06		601,000,813	483,562,744
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4,867,683,868	3,386,078,665
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3,074,976,839)	939,994,671
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1,289,901,453)	(751,000,187)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(738,299,082)	(3,028,409,633)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(299,555,700)	(67,501,282)
Tiền lãi vay đã trả	13		(601,000,813)	(483,562,744)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(316,045,427)	(57,190,739)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(1,452,095,446)	(61,591,249)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(72,839,092)	(907,346,238)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		178,934,568	285,189,795
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		106,095,476	(622,156,443)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		25,717,647,261	18,440,873,333
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(24,019,082,447)	(20,402,207,690)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1,973,597,400)	(944,748,700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(275,032,586)	(2,906,083,057)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(1,621,032,556)	(3,589,830,749)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3,621,178,798	5,285,244,022
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		2,000,146,242	1,695,413,273

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đồng Nai, ngày 21 tháng 07 năm 2011
GIÁM ĐỐC

ĐỖ THỊ THU HÀ

VŨ ĐỨC ĐAN

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

- Công ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập từ việc chuyển đổi nhà máy Sơn Đồng Nai (Doanh nghiệp nhà nước thuộc Sở Công Nghiệp Đồng Nai) theo Quyết định số 4636/QĐ-TTG ngày 13/12/1999 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai.
- Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4703000004 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 09 năm 2010.
- Trụ sở và nhà máy được đặt tại đường số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.182.180.000đồng.
- Các đơn vị trực thuộc tính đến 30/6/2011 gồm:
 - Chi Nhánh đặt tại Khu Công Nghiệp Yên Phong, xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, keo Xuất nhập khẩu, nguyên liệu và sản phẩm liên quan đến sơn và keo. Dịch vụ thi công về sơn.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Đối với tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.
- Đối với các khoản nợ phải thu dài hạn bằng ngoại tệ: Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Đối với các khoản nợ phải trả dài hạn bằng ngoại tệ:
 - + Trường hợp chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái thì chênh lệch tỷ giá hạch toán vào chi phí tài chính trong năm và tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì Công ty được phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng mức hạch toán vào chi phí trong năm ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.
 - + Trường hợp chênh lệch giảm thì được hạch toán vào thu nhập tài chính.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 08 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

4.6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Theo công văn số 3471/BTC-CST ngày 17/03/2006 của Bộ Tài Chính, bắt đầu từ ngày 01/01/2004 Công ty được ưu đãi áp dụng thuế suất thuế TNDN 15% trong 8 năm từ năm 2004 đến hết năm 2011.
- Công ty được giảm 50% thuế TNDN cho 2 năm (2009, 2010) do có cổ phiếu niêm yết.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	1.815.921.721	1.990.151.539
Tiền gửi ngân hàng	184.224.521	1.631.027.259
Tổng cộng	2.000.146.242	3.621.178.798

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	14.011.343.015	13.116.968.856
Trả trước cho người bán	533.221.433	15.480.000
Các khoản phải thu khác	6.805.199.922	5.173.196.583
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	21.349.764.370	18.305.645.439
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.255.195.267)	(4.107.173.392)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	17.094.569.103	14.198.472.047

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu tiền gia công	5.920.984.378	4.190.950.848
Phải thu thuế NK, phí hải quan đã nộp hộ	790.489.525	918.575.059
Phải thu khác	93.726.019	63.670.676
Cộng	6.805.199.922	5.173.196.583

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	8.468.305.101	7.954.386.266
Công cụ, dụng cụ	592.185.643	644.654.829
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	273.340.670	182.001.778
Thành phẩm	3.212.884.148	2.498.226.050
Hàng hóa	164.400	1.612.546
Cộng giá gốc hàng tồn kho	12.546.879.962	11.280.881.469
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	12.546.879.962	11.280.881.469

Giá trị hàng tồn kho được dùng bảo đảm cho các khoản vay là 10.000.000.000 đồng.

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí thuê đất chờ kết chuyển	299.555.700	-
Tổng cộng	299.555.700	-

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	170.039.384	78.820.838
Tổng cộng	170.039.384	78.820.838

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	5.126.480.751	5.307.022.139	2.932.800.067	1.824.803.219	15.191.106.176
Mua trong kỳ	-	-	-	73.631.092	73.631.092
Thanh lý, nhượng bán	-	(32.000.000)	-	-	(32.000.000)
Số dư cuối kỳ	5.126.480.751	5.275.022.139	2.932.800.067	1.898.434.311	15.232.737.268
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.346.613.565	3.110.010.471	1.629.807.407	948.990.336	10.035.421.779
Khấu hao trong kỳ	99.329.160	251.799.144	110.202.684	125.227.560	586.558.548
Thanh lý, nhượng bán	-	(32.000.000)	-	-	(32.000.000)
Số dư cuối kỳ	4.445.942.725	3.329.809.615	1.740.010.091	1.074.217.896	10.589.980.327
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	779.867.186	2.197.011.668	1.302.992.660	875.812.883	5.155.684.397
Tại ngày cuối kỳ	680.538.026	1.945.212.524	1.192.789.976	824.216.415	4.642.756.941

Giá trị của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là : 3.198.000.000 đồng. Trong đó, máy móc thiết bị là 330.000.000 đồng và nhà cửa là 2.868.000.000 đồng.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.938.224.022 đồng

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công trình khu chứa vật liệu thải	43.355.960	-
Máy pha màu	358.208.054	358.208.054
Máy trộn sơn tự động	54.320.000	54.320.000
Tổng cộng	455.884.014	412.528.054

5.8. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	5.019.000.000	5.019.000.000
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	5.019.000.000	5.019.000.000

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Công ty CP đầu tư Nhơn Trạch	81.900	819.000.000	81.900	819.000.000
Cổ phiếu Công ty CP Sonadezi Châu Đức	420.000	4.200.000.000	420.000	4.200.000.000
Cộng	501.900	5.019.000.000	501.900	5.019.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.9. Tài sản dài hạn khác

Đây là khoản ký quỹ, ký cược nhằm mục đích thuê nhà xưởng tại khu công nghiệp Yên Phong Bắc Ninh theo hợp đồng thuê nhà xưởng số 58-2008/CTXD-HĐKT.

5.10. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng (VND)	5.718.787.607	3.370.390.781
Vay ngân hàng (USD)	2.626.073.424	3.275.905.436
Tổng cộng	8.344.861.031	6.646.296.217

Số dư cuối kỳ vay ngân hàng (USD) tương đương với 127.368USD.

Vay ngắn hạn là khoản vay Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Biên Hoà theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/SĐN/2011/HĐTD ngày 01/06/2011. Mục đích khoản vay này là bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất vay được ghi nhận theo từng giấy nhận nợ.

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, nhà máy sản xuất sơn (xem thêm mục 5.3 và 5.6).

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	5.513.256.912	6.299.220.008
Người mua trả tiền trước	2.279.550	4.120.745
Tổng cộng	5.515.536.462	6.303.340.753

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	436.978.096	488.152.533
Thuế xuất, nhập khẩu	6.815.023	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	421.606.995	217.969.761
Thuế thu nhập cá nhân	161.039.091	63.210.232
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	347.776.862	11.636.250
Tổng cộng	1.374.216.067	780.968.776

5.13. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trích trước chi phí tổ chức du lịch cho các đại lý	250.000.000	-
Trích trước tiền thưởng doanh số	-	828.400.000
Trích trước chi phí chiết khấu thương mại phải trả	-	138.326.300
Tổng cộng	250.000.000	966.726.300

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	28.324.224	3.573.552
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	28.064.776	22.158.878
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	150.000.000	150.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	385.759.980	276.559.242
Tổng cộng	592.148.980	452.291.672

5.15. Phải trả dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	346.875.760	346.875.760
Số dư cuối kỳ	346.875.760	346.875.760

(Phần tiếp theo ở trang 19)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	13.496.410.000	-	2.736.075.050	1.178.257.789	-	2.623.123.862	20.033.866.701
Tăng vốn trong năm trước	1.685.770.000	-	-	-	-	-	1.685.770.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	5.317.225.047	5.317.225.047
Tăng khác	-	15.029.280	-	-	-	-	15.029.280
Trích quỹ	-	-	915.735.744	244.527.184	481.073.541	(1.641.336.469)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(2.817.265.900)	(2.817.265.900)
Giảm khác	-	(112.620.340)	(1.685.770.000)	-	-	(733.581.551)	(2.531.971.891)
Số dư đầu năm nay	15.182.180.000	(97.591.060)	1.966.040.794	1.422.784.973	481.073.541	2.748.164.989	21.702.653.237
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	3.191.354.539	3.191.354.539
Trích quỹ	-	-	48.905.437	-	-	(146.716.310)	(97.810.873)
Tăng khác	-	97.591.060	-	-	-	-	97.591.060
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(1.973.597.400)	(1.973.597.400)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	15.182.180.000	-	2.014.946.231	1.422.784.973	481.073.541	3.819.205.818	22.920.190.563

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	4.555.440.000	30%
Vốn góp của các đối tượng khác	10.626.740.000	70%
Tổng cộng	15.182.180.000	100%

5.16.3. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	1.518.218	1.349.641
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	1.518.218	1.349.641
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	-	-
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	1.518.218	1.349.641
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	3.191.354.539	2.254.091.211
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	1.518.218	1.349.641
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	2.102	1.670

5.16.5. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	2.748.164.989	2.623.123.862
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	3.191.354.539	2.254.091.211
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(48.905.437)	(236.546.357)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(97.810.873)	-
Chia cổ tức	(1.973.597.400)	(944.748.700)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	3.819.205.818	3.695.920.016

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng	41.669.966.295	33.789.953.439
Doanh thu cung cấp dịch vụ	179.514.686	131.477.455
Chiết khấu thương mại	(595.866.162)	(754.528.819)
Hàng bán bị trả lại	(191.282.722)	(179.947.691)
Doanh thu thuần	41.062.332.097	32.986.954.384

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng đã bán	31.053.923.648	25.291.143.582
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	78.111.581	117.322.320
Tổng cộng	31.132.035.229	25.408.465.902

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.734.568	175.989.795
Cổ tức, lợi nhuận được chia	151.200.000	109.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	96.690.932	56.134.937
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.722.797	3.672.637
Tổng cộng	281.348.297	344.997.369

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	601.000.813	483.562.744
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	329.962.923	143.575.956
Tổng cộng	930.963.736	627.138.700

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	323.128.824	229.376.485
Chi phí nhân công	1.840.303.949	1.351.888.749
Chi phí khấu hao tài sản cố định	88.847.488	83.504.031
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	148.021.875	254.033.436
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền	1.412.710.414	1.301.867.956
Tổng cộng	3.813.012.550	3.220.670.657

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	3.711.037.200	2.432.560.426
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	11.850.000	5.620.992
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(151.200.000)	(109.200.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	3.571.687.200	2.328.981.418
Trong đó		
Thu nhập được miễn thuế của chi nhánh Bắc Ninh	117.252.180	202.928.433
Thu nhập chịu thuế suất 15%	3.439.260.949	2.017.394.468
Thu nhập chịu thuế suất 25%	15.174.071	108.658.517
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	519.682.661	178.469.215

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao Hội đồng quản trị và ban kiểm soát	81.800.000	75.118.000
Lương Ban Giám đốc và các nhân viên chủ chốt khác	418.770.569	362.226.555
Tổng cộng	500.570.569	437.344.555

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 21 tháng 07 năm 2011.

Đồng Nai, ngày 21 tháng 07 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

ĐỖ THỊ THU HÀ

VŨ ĐỨC ĐAN